

Số: 6147/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật duy trì, vận hành hệ thống tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh, xã hội áp dụng cho các Công ty Thuỷ lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi; Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 01/9/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi;

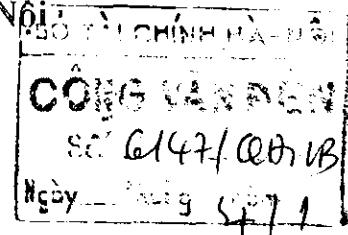
Xét Tờ trình số 247/TTr-LN ngày 10/12/2012 của Liên ngành: Nông nghiệp và PTNT - Tài chính - Xây dựng - Lao động Thương binh và Xã hội về việc ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật duy trì, vận hành hệ thống tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh, xã hội áp dụng cho các Công ty Thuỷ lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Định mức kinh tế - kỹ thuật duy trì, vận hành hệ thống tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh, xã hội áp dụng cho các Công ty Thuỷ lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội” làm cơ sở để xây dựng đơn giá, lập dự toán kinh phí và quản lý chi phí trong công tác duy trì, vận hành hệ thống tưới tiêu cho các Công ty Thuỷ lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội, gồm:

1. Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thuỷ lợi Hà Nội;
2. Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thuỷ lợi Mê Linh;
3. Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thuỷ lợi Sông Nhuệ;
4. Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thuỷ lợi Sông Đáy;
5. Công ty TNHH MTV Thuỷ lợi Sông Tích.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội phối hợp với các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn áp dụng và quản lý thực hiện các



định mức; tập hợp những vướng mắc phát sinh trong việc áp dụng các định mức, kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2013 và thay thế các Quyết định: số 6054/QĐ-UBND ngày 18/11/2009, số 4832/QĐ-UBND ngày 30/9/2010, số 4978/QĐ-UBND ngày 08/10/2010, số 4977/QĐ-UBND ngày 08/10/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Định mức Kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi do các Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi: Hà Nội, Sông Nhuệ, Sông Đáy và Công ty TNHH MTV Thuỷ lợi Sông Tích quản lý.

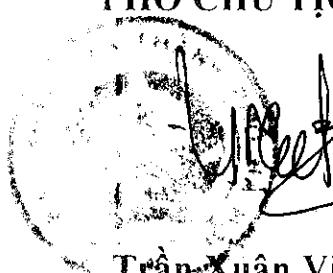
Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Xây dựng, Lao động Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã có liên quan; Chủ tịch, Tổng Giám đốc các Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi: Hà Nội, Sông Nhuệ, Sông Đáy, Mê Linh; Chủ tịch, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Thuỷ lợi Sông Tích và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. Mú

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Tổng cục Thủy lợi;
- Chủ tịch UBND Thành phố
(để báo cáo);
- Các Phó chủ tịch UBND Thành phố;
- VPUB: Các PVP; phòng: NN, KT, TH;
- Chi cục Thủy lợi Hà Nội;
- Lưu: VP, NN Huy (2b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH 
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Xuân Việt

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

**DUY TRÌ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG TƯỚI TIÊU PHỤC VỤ SẢN XUẤT
NÔNG NGHIỆP, DÂN SINH, XÃ HỘI ÁP DỤNG CHO CÁC CÔNG TY
THUỶ LỢI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

(Ban hành theo Quyết định số 614/T/UBND ngày 27 tháng 12 năm 2012
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Hà Nội - 2012

MỤC LỤC

THUYẾT MINH VÀ QUY ĐỊNH ÁP DỤNG.....	2
I. Các căn cứ điều chỉnh, bổ sung.....	2
II. Kết cấu, nội dung các định mức chi tiết.....	3
III. Quy định áp dụng.....	5
ĐỊNH MỨC QUẢN LÝ, DUY TRÌ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG TƯỚI TIÊU	10
ĐỊNH MỨC DUY TRÌ HỆ THỐNG TƯỚI, TIÊU.....	10
TT1.01.00. Định mức kiểm tra vi phạm, thu gom rác, phé thải, xử lý các hư hỏng nhỏ khu vực bờ mái kênh tưới, tiêu; bờ sông.....	10
TT1.02.00. Định mức vớt bèo, rau, rác trên mặt kinh mương tưới tiêu, mặt sông... ..	11
TT1.03.00. Định mức kiểm tra, bảo dưỡng các công & công trình trên kênh.....	12
TT1.04.00. Định mức quản lý, kiểm tra hồ đập.	13
TT1.05.00. Định mức kiểm tra, bảo dưỡng bể lọc kỹ thuật.	14
TT1.06.00. Định mức bảo vệ công trình đầu mối, nhà làm việc.....	14
TT1.07.00. Định mức chặt, phát, cắt cỏ, cây thuỷ sinh trên mái, bờ kinh mương, mái đập, mặt đập, bờ sông, mái sông.	15
ĐỊNH MỨC VẬN HÀNH HỆ THỐNG TƯỚI, TIÊU.....	17
1. Bảng quy định mức sử dụng nước tại mặt ruộng ứng với tần suất $P = 75\%$ - vùng đồng bằng.	17
2. Định mức cấp nước cho nuôi trồng thủy sản.	17
3. Quy định các hệ số vùng áp dụng cho tưới, cấp nước nuôi trồng thủy sản.....	17
TT2.01.00. Định mức công tác tưới nước ruộng lúa bằng động lực.....	18
TT2.02.00. Định mức tưới nước ruộng lúa bằng trọng lực (tự chảy).	21
TT2.03.00. Định mức công tác tưới nước ruộng mạ bằng động lực.....	21
TT2.04.00. Định mức tưới nước ruộng mạ bằng trọng lực (tự chảy).	24
TT2.05.00. Định mức tưới nước ruộng hoa, rau, màu, cây công nghiệp và cây ăn quả bằng động lực.....	25
TT2.06.00. Định mức tưới nước ruộng hoa, rau, màu, cây công nghiệp và cây ăn quả bằng trọng lực (tự chảy).	28
TT2.07.00. Định mức cấp nước cho nuôi trồng thủy sản bằng động lực.	28
TT2.08.00. Định mức cấp nước cho nuôi trồng thủy sản bằng trọng lực (tự chảy)... ..	31
TT2.09.00. Định mức công tác tiêu nước bằng động lực.....	32
TT2.10.00. Định mức tiêu nước bằng trọng lực (tự chảy).	35

PHẦN I
THUYẾT MINH VÀ QUY ĐỊNH ÁP DỤNG

I. Các căn cứ điều chỉnh, bổ sung.

- Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi số 32/2001/PL-UBTVQH ngày 04/4/2001;

- Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi;

- Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi;

- Nghị định số 31/2005/NĐ-CP ngày 11/3/2005 của Chính Phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

- Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính Phủ quy định hệ thống thang bảng lương và phụ cấp lương trong các công ty Nhà nước;

- Nghị định số 70/2011/NĐ-CP ngày 22/8/2011 của Chính Phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở công ty, doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức có thuê mướn lao động;

- Nghị định số 31/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính Phủ quy định về mức lương tối thiểu chung;

- Thông tư số 56/2010/TT-BNNPTNT ngày 01/10/2010 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định một số nội dung trong hoạt động của các tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

- Thông tư số 65/2009/TT-BNNPTNT ngày 12/10/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về Hướng dẫn tổ chức hoạt động và phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi;

- Thông tư số 11/2009/TT-BTC ngày 21/01/2009 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi và quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

- Quyết định số 211/1998/QĐ-BNN ngày 19/12/1998 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành quy định về chế độ sử dụng chi phí cho sửa chữa thường xuyên tài sản cố định của Doanh nghiệp khai thác công trình thủy lợi;

- Quy trình, quy phạm quản lý khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và các tiêu chuẩn hiện hành; ~~nhập~~

- Các tập Định mức Kinh tế - Kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi do các Công ty Đầu tư phát triển thủy lợi: Hà Nội, Sông Nhuệ, Sông Đáy và Công ty Thủ lợi Sông Tích quản lý đã được ban hành tại các Quyết định: số 6054/QĐ-UBND ngày 18/11/2009, số 4832/QĐ-UBND ngày 30/9/2010, số 4978/QĐ-UBND ngày 08/10/2010, số 4977/QĐ-UBND ngày 08/10/2010 của UBND thành phố Hà Nội;

- Quy trình kỹ thuật quản lý, duy trì và vận hành hệ thống tưới tiêu trên địa bàn thành phố Hà Nội được Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 2947/QĐ-SNN ngày 04 tháng 12 năm 2012;

- Thực trạng hệ thống công trình thủy lợi, máy móc thiết bị, phương tiện quản lý cũng như kết quả sản xuất kinh doanh trong các năm vừa qua của các doanh nghiệp thủy lợi và tính chất đặc thù của công tác quản lý khai thác công trình thuỷ lợi trên địa bàn Thành phố;

- Các văn bản khác theo quy định của Nhà nước.

II. Kết cấu, nội dung các định mức chi tiết.

Các định mức chi tiết duy trì, vận hành hệ thống tưới ;tiêu phục vụ sản xuất và đời sống dân sinh trên địa bàn thành phố Hà Nội gồm có 2 chương:

1. Chương I - Định mức duy trì hệ thống tưới tiêu:

TT1.01.00: Định mức kiểm tra vi phạm, thu gom rác, phế thải, xử lý các hư hỏng nhỏ khu vực bờ mái kênh tưới, tiêu; bờ sông.

TT1.02.00: Định mức vớt bèo, rau, rác trên mặt kênh mương tưới tiêu, mặt sông.

TT1.03.00: Định mức kiểm tra, bảo dưỡng công & công trình trên kênh.

TT1.04.00: Định mức quản lí, kiểm tra hồ đập.

TT1.05.00: Định mức kiểm tra, bảo dưỡng bể lọc kỹ thuật.

TT1.06.00: Định mức bảo vệ công trình đầu mối, nhà làm việc.

TT1.07.00: Định mức chặt, phát, cắt cỏ, cây thuỷ sinh trên mái, bờ kênh mương, mái đập, mặt đập, bờ sông, mái sông.

Tại các định mức trên đã quy định các thành phần công việc phải thực hiện; mức hao phí nhân công cần thiết bình quân trên một đơn vị thực hiện trên một lần thực hiện ; số lần thực hiện trong năm.

2. Chương II - Định mức quản lý, vận hành hệ thống tưới tiêu:

2.1. Công tác vận hành tưới, cấp nước gồm các định mức:

TT2.01.00: Định mức công tác tưới nước ruộng lúa bằng động lực (vùng đồng bằng) bao gồm:

TT2.01.10: Định mức tưới nước ruộng lúa áp dụng với loại máy bơm có lưu lượng $Q \leq 1.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$. *nhé*

TT2.01.20: Định mức tưới nước ruộng lúa áp dụng với loại máy bơm có lưu lượng $1.000 \text{ m}^3/\text{giờ} < Q \leq 2.500 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

TT2.01.30: Định mức tưới nước ruộng lúa áp dụng với loại máy bơm có lưu lượng $2.500 \text{ m}^3/\text{giờ} < Q < 4.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

TT2.01.40: Định mức tưới nước ruộng lúa áp dụng với loại máy bơm có lưu lượng $4.000 \text{ m}^3/\text{giờ} \leq Q < 8000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

TT2.01.50: Định mức tưới nước ruộng lúa áp dụng với loại máy bơm có lưu lượng $Q \geq 8000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

TT2.02.00: Định mức tưới nước ruộng lúa bằng trọng lực (tự chảy).

TT2.03.00: Định mức công tác tưới nước ruộng mạ bằng động lực (ứng với các loại máy bơm như trên).

TT2.04.00: Định mức tưới nước ruộng mạ bằng trọng lực (tự chảy).

TT2.05.00: Định mức tưới nước ruộng hoa, rau, màu, cây công nghiệp và cây ăn quả bằng động lực (ứng với các loại máy bơm như trên).

TT2.06.00: Định mức tưới nước ruộng hoa, rau, màu, cây công nghiệp và cây ăn quả bằng trọng lực (tự chảy).

TT2.07.00: Định mức cấp nước cho nuôi trồng thủy sản vùng đồng bằng bằng động lực (ứng với các loại máy bơm như trên).

TT2.08.00: Định mức cấp nước cho nuôi trồng thủy sản bằng trọng lực (tự chảy).

Tại các định mức trên đã xác định mức hao phí nhân công quản lý thuỷ nông , nhân công quản lý vận hành, chi phí vật tư, vật liệu cho 1 ha/vụ/loại máy bơm được tưới cho các loại cây trồng và cấp nước cho diện tích nuôi trồng thuỷ sản bằng động lực và trọng lực theo hình thức tưới, cấp nước chủ động (từ công trình đến mặt ruộng và nơi nuôi trồng thuỷ sản).

2.2. Công tác vận hành tiêu gồm các định mức:

TT2.09.10: Định mức tiêu nước áp dụng với loại máy bơm có lưu lượng $Q \leq 1.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

TT2.09.20: Định mức tiêu nước áp dụng với loại máy bơm có lưu lượng $1.000 \text{ m}^3/\text{giờ} < Q \leq 2.500 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

TT2.09.30: Định mức tiêu nước áp dụng với loại máy bơm có lưu lượng $2.500 \text{ m}^3/\text{giờ} < Q < 4.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

TT2.09.40: Định mức tiêu nước áp dụng với loại máy bơm có lưu lượng $4.000 \text{ m}^3/\text{giờ} \leq Q < 8.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

TT2.09.50: Định mức tiêu nước áp dụng với loại máy bơm có lưu lượng $Q \geq 8.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

TT2.10.00: Định mức tiêu nước bằng trọng lực (tự chảy). ~~nhân công~~